

VỀ VIỆC DUY TRÌ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

*Phạm Văn Beo**

Việc quy định và áp dụng hình phạt tử hình là vấn đề của mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ đó. Hiện nay, theo điều kiện của mình, nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ đã có những cân nhắc khác nhau và quyết định xoá bỏ hình phạt tử hình trong hệ thống hình phạt của luật hình sự. Điều này không có gì lạ. Ở Việt Nam, việc giữ lại hình phạt tử hình vẫn còn cần thiết. Điều này được lý giải bởi các lý do sau:

Thứ nhất, việc quy định và áp dụng hình phạt tử hình sẽ đảm bảo nguyên tắc công bằng. Hiện nay, ở nước ta, tội phạm vẫn tồn tại và diễn biến rất phức tạp với mức độ nguy hiểm đặc biệt cao cho xã hội. Nhiều vụ phạm tội đã gây thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng của Nhà nước và nhân dân. Hay, những vụ buôn bán, vận chuyển chất ma túy lên đến hàng trăm ký heroin. Với số lượng heroin ngấn ấy, không biết bao nhiêu người sẽ trở thành con nghiện sống dật dờ hoặc trở thành tội phạm, không biết bao nhiêu gia đình phải tan nát vì vướng vào ma túy. Hoặc, nhiều vụ giết người, cướp tài sản; những vụ hiếp dâm trẻ em rồi giết trẻ em một cách dã man v.v. Công lý đòi hỏi người phạm tội phải gánh chịu hậu quả là trách nhiệm hình sự, và trách nhiệm hình sự phải tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội mà người phạm tội gây ra. Nếu chúng ta không duy trì hình phạt tử hình thì không một hình phạt nào khác được áp dụng có thể tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm trong các trường hợp nói trên. Một khi hình phạt không tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội của tội

phạm thì công bằng và công lý cũng không được đảm bảo. Như vậy, việc duy trì hình phạt tử hình hiện nay là cần thiết nhằm xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền.

Thứ hai, hình phạt tử hình đảm bảo mục đích răn đe và phòng ngừa tội phạm của hệ thống hình phạt. Hiện nay, quan điểm xoá bỏ hình phạt tử hình cho rằng việc duy trì hình phạt tử hình không có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm mà thậm chí còn làm tăng tội phạm. Quan điểm này được trình bày chính thức bởi các chuyên gia châu Âu tại “Hội thảo về hình phạt tử hình” diễn ra từ ngày 24 đến 26 tháng 11 năm 2004 giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu. Đây không phải là một quan điểm lạ. Tuy nhiên, nếu xem đây là một quan điểm đúng cho toàn cầu thì chưa được chấp nhận. Chúng ta đều biết, tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm của hình phạt nói chung và hình phạt tử hình nói riêng phụ thuộc vào điều kiện của mỗi quốc gia, như: kinh tế, văn hóa, trình độ dân trí, ý thức pháp luật của người dân... Ở những quốc gia cho rằng hình phạt tử hình không làm giảm tội phạm đa số là các quốc gia có nền kinh tế phát triển, trình độ dân trí cao, ý thức pháp luật cao. Trước khi xoá bỏ hẳn hình phạt tử hình trong luật, đã có một thời gian dài họ không hề áp dụng hình phạt tử hình trên thực tế. Do đó, việc họ còn duy trì hay xoá bỏ hình phạt tử hình trong luật đã không còn ý nghĩa đến sự tăng hay giảm tội phạm.

Ở Việt Nam, nền kinh tế vẫn còn đang phát triển, trình độ văn hóa chưa cao, ý thức pháp luật vẫn còn rất kém. Việc chạy theo xu thế của các nước phát triển để xoá bỏ hình phạt tử hình là không thể được. Theo một cuộc khảo sát mới đây, 93,38% số người được hỏi

* Thạc sĩ Luật học, Trưởng Bộ môn Tư pháp, Khoa Luật, Đại học Cần Thơ

cho rằng, hình phạt tử hình có tác dụng ngăn ngừa mạnh mẽ tội phạm¹.

Ở nước ta, qua điểm hình phạt tử hình không có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm là thiếu cơ sở khoa học. Dựa trên các số liệu thống kê về tình hình tội phạm qua các năm để kết luận rằng dù có duy trì hình phạt tử hình thì tội phạm vẫn tăng và do đó hình phạt tử hình là không cần thiết là sai. Chúng ta phải đặt câu hỏi rằng, trong khi luật vẫn còn duy trì hình phạt tử hình mà tội phạm vẫn càng tăng như thế, nếu hình phạt tử hình được xóa bỏ thì tội phạm sẽ tăng như thế nào? Phải thừa nhận rằng, hiện nay ở nước ta, nhiều kẻ phạm tội vẫn có biểu hiện hết sức nghiêm trọng, ngoan cố, bất chấp tất cả hậu quả, dù đó là cái chết. Nhưng phải nghĩ lại rằng, đối với những kẻ đó, nếu không bị loại khỏi xã hội thì khả năng nguy hiểm là cực kỳ cao. Không loại trừ cả khi đang bị giam giữ, các đối tượng này vẫn có thể phạm tội. Đó là chưa kể, việc giam giữ các đối tượng này có đảm bảo được một cách tuyệt đối là họ không trốn khỏi nơi giam giữ hay không. Như thế, mục đích phòng ngừa của hình phạt sẽ bị phá sản.

Kẻ phạm tội dù tàn ác, ngoan cố đến đâu vẫn còn có lý trí để suy nghĩ và cân nhắc trước khi phạm tội về những vấn đề: Khi phạm tội mình được gì (?); Cái giá phải trả cho việc phạm tội (?); Khả năng thành công trong việc thực hiện tội phạm (?); Khả năng trốn tránh pháp luật (?)... Trong đó, sự cân nhắc giữa cái được và cái giá phải trả là quan trọng nhất. Nếu cái giá phải trả càng thấp so với việc phạm tội đạt được thì khả năng chuyển ý định phạm tội thành tội phạm càng cao. Không thể nói hình phạt tử hình không có tác dụng răn đe bằng hình phạt tù chung thân. Theo khảo sát, 81,40% số người cho rằng hình phạt tử hình có tác dụng răn đe cao

hơn tù chung thân. Thật vậy, không ai không sợ chết. Chúng ta đã chứng kiến biết bao nhiêu người đang sống rất khổ sở, thậm chí “sống không bằng chết” nhưng họ vẫn tiếp tục sống và sợ chết. Nhiều kẻ phạm tội sau khi phạm tội có quan niệm rằng phải bằng mọi cách “chạy” làm sao để không “dựa cột” (bị tử hình) là còn hy vọng. Cũng có kẻ phạm tội thổ lộ: do nghĩ đến việc bị tử hình nên hành vi phạm tội được dừng lại mà không tiếp diễn nghiêm trọng hơn. Trong khi đó, hình phạt tù chung thân ở Việt Nam, theo luật định là tù không có thời hạn, có nghĩa là có khả năng người phạm tội phải bị giam suốt đời. Tuy nhiên, theo quy định về việc giảm thời hạn chấp hành hình phạt, người bị phạt tù chung thân thường chỉ phải chấp hành khoảng mười mấy đến hai mươi năm tù nếu cải tạo tốt trong khi chấp hành hình phạt. Như vậy, ở chừng mực nào đó, tù chung thân là tù có thời hạn. Điều này cho thấy, tác dụng răn đe của hình phạt tử hình là cao nhất trong số các loại hình phạt. Mặt khác, nếu mọi tội phạm dù nghiêm trọng đến đâu cũng chỉ có thể bị phạt đến tù chung thân thì thật là vô cùng nguy hiểm. Bởi vì, một khi họ đã bị tuyên tù chung thân thì họ có thể thoải mái phạm tội, giết quản giáo, giết bạn tù hay giết bất kỳ một người nào khác khi đã trốn khỏi nơi giam. Khi đó, họ đâu có sự bất lợi nào khác hơn những gì đã phải gánh chịu là tù chung thân. Do đó, không thể so sánh hiệu quả của hình phạt tù chung thân với hình phạt tử hình.

Thứ ba, hình phạt tử hình góp phần nâng cao phẩm giá của con người, đảm bảo chất lượng cuộc sống và đảm bảo an toàn xã hội. Nâng cao phẩm giá của con người cũng chính là lý do được quan điểm chống lại hình phạt tử hình viện dẫn cho việc xóa bỏ hình phạt này. Quan điểm này cho rằng việc áp dụng hình phạt tử hình là sự không tôn trọng phẩm giá con người khi đã tước đi quyền sống của một con người, là một hình phạt mang tính chất nhục hình. Đây là một lý lẽ nguy hiểm. Chúng ta phải xác định rằng bảo vệ phẩm giá của con người ở đây là của người phạm tội, của người bị hại hay của cả

¹ Khảo sát được tiến hành trên 2495 người, trong đó gồm có những người đang công tác trong ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, Thủ hành án, Sở Tư pháp, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, Giáo dục, Đại biểu Quốc hội, Nhà báo, một số ngành khác và sinh viên của một số trường đại học.

cộng đồng. Hiện nay, ở Việt Nam, tội phạm đang diễn ra hết sức nghiêm trọng, nhất là đối với tội phạm về tham nhũng, ma túy, hiếp dâm và giết người, cướp tài sản. Trong những vụ phạm tội này, người phạm tội đã gây thiệt hại hàng ngàn tỷ đồng cho Nhà nước từ các vụ tham nhũng, khiến nhiều gia đình tan nát vì vướng phải ma túy, nhiều trẻ em bị khủng hoảng suốt đời (nếu không bị giết để phi tang) vì bị hiếp dâm... Khi phạm tội, người phạm tội có nghĩ đến phẩm giá của người bị hại và của cả cộng đồng hay không. Trong trường hợp đó, vai trò của pháp luật là bảo vệ và nâng cao phẩm giá của người bị hại và của cả cộng đồng chứ không phải giữ gìn và nâng cao phẩm giá của người phạm tội. Hình phạt tử hình sẽ làm tốt được vai trò này.

Mặt khác, trong điều kiện xã hội Việt Nam hiện nay, khi mà tội phạm còn tồn tại và tỏ ra đặc biệt nguy hiểm, đe dọa đến cuộc sống yên bình của bất kỳ thành viên nào trong xã hội thì hình phạt tử hình tồn tại là rất hiệu quả. Hãy hình dung, đối với một kẻ phạm tội đặc biệt nguy hiểm nhưng không bị áp dụng hình phạt tử hình. Ở trong trại giam, kẻ này có thể đe dọa về tính mạng cho những phạm nhân khác. Đó là chưa kể kẻ này thoát khỏi sự kiểm soát của trại giam, cả cộng đồng sẽ bị đặt trong một tình trạng cực kỳ nguy hiểm. Kể cả khi kẻ phạm tội đã tuân thủ đúng pháp luật về thi hành hình phạt tù, có một ngày họ sẽ được tự do. Khi đó, những người đã từng làm chứng chống lại họ, những đối thủ của họ, thậm chí cả những người đã từng xét xử họ... sẽ không có được cuộc sống yên ổn vì lo âu, sợ hãi, sợ một ngày nào đó bị trả thù. Do đó, hình phạt tử hình được xem là điều kiện tốt để mang lại một cuộc sống có chất lượng và an ninh cho toàn xã hội.

Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới cho thấy, khi các điều kiện chưa cho phép thì không nên nghĩ đến việc xóa bỏ hình phạt tử hình. Bởi vì nếu đã xóa bỏ sau đó họ phải khôi phục lại hình phạt tử hình nhằm trấn áp, răn đe tội phạm vốn chưa được kiểm soát nay có điều kiện phát triển bởi

không còn sợ nguy cơ bị xử phạt tử hình. Đó là chưa kể đến một số quốc gia không dám nhìn nhận điều đó là sai mà khắc phục, dẫn đến những việc làm nghịch lý. Như chúng ta đã biết, Anh là quốc gia đã xóa bỏ hình phạt tử hình đối với mọi tội phạm. Tuy nhiên, với vụ khủng bố vào ngày 21/7/2005, tại Luân Đôn, khiến hơn 50 người chết, Chính phủ Anh đã ra tuyên bố cho phép bắn chết kẻ nào bị tình nghi là có hành vi khủng bố trong khi nếu bị bắt, kẻ khủng bố chỉ có thể bị kết án tù chung thân. Vụ bắn chết oan một công dân Brazil ngày 22/7/2005 là minh chứng hùng hồn cho tuyên bố này.

Thứ tư, hình phạt tử hình phù hợp với nguyên tắc nhân đạo. Hình phạt tử hình là hình phạt nghiêm khắc nhất, tước đi mạng sống của người phạm tội. Đây là hình phạt chỉ có tác dụng trừng trị mà không có ý nghĩa cải tạo, giáo dục người phạm tội. Cũng vì thế mà các quan điểm chống lại hình phạt tử hình thường chỉ trích rằng nó vô nhân đạo đối với người phạm tội. Đây là một nhận xét phiến diện. Chúng ta cần phải biết rằng tính nhân đạo của pháp luật biểu hiện ở sự dung hoà lợi ích của xã hội và lợi ích của người phạm tội. Việc thiên về lợi ích của người phạm tội mà quên đi lợi ích của toàn xã hội không thể xem là thỏa mãn nguyên tắc nhân đạo của pháp luật. Một người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, gây thiệt hại đặc biệt lớn cho xã hội và còn tiếp tục đe dọa đến sự an toàn của xã hội thì việc nhân đạo đối với họ chính là sự vô nhân đạo đối với toàn thể cộng đồng. Phải loại bỏ một tế bào ung thư để giữ được một cơ thể mạnh khoẻ là điều nên làm. Hơn nữa, chúng ta biết rằng, hình phạt không chỉ có mục đích trừng trị người phạm tội mà còn có mục đích phòng ngừa tội phạm. Đứng ở góc độ người phạm tội, với lòng khoan dung, chúng ta chỉ có thể “trừng trị” người phạm tội bằng hình phạt tù chung thân cũng đủ. Tuy nhiên, đứng ở góc độ xã hội, cần phải có một hình phạt nghiêm khắc hơn – hình phạt tử hình, để đảm bảo mục đích phòng ngừa của hình phạt. Như vậy, hình phạt tử hình đã thể hiện tính nhân đạo

một cách tương đối thông qua khía cạnh xã hội là loại bỏ mối đe dọa nguy hiểm cho xã hội, răn đe và giáo dục người khác tránh xa việc phạm tội.

Thứ năm, việc duy trì hình phạt tử hình không trái với pháp luật quốc tế và không vi phạm nhân quyền. Quyền được sống là quyền của mọi con người, mang tính phổ biến, không ai có quyền tước đi quyền này. Những người ủng hộ quan điểm bỏ hình phạt tử hình dựa vào đó mà cho rằng hình phạt tử hình đã vi phạm quyền này của con người. Dựa trên lập luận đó, nhiều người đã sử dụng Tuyên ngôn Quốc tế về quyền con người (1948), Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966), Nghị định thư không bắt buộc thứ hai của Công ước này về việc xóa bỏ hình phạt tử hình (1989) để thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế cho việc xóa bỏ hình phạt tử hình.

Điều 3 Tuyên ngôn Quốc tế về quyền con người nêu: *"Mọi người đều có quyền được sống, tự do và được bảo vệ an toàn"*². Ngoài ra, Điều 5 Tuyên ngôn này còn bổ sung: *"Không ai có thể phải gánh chịu một hình phạt tàn khốc hoặc làm giảm phẩm giá của con người"*³. Theo đó, các quốc gia đã xóa bỏ hình phạt tử hình giải thích rằng việc sử dụng hình phạt tử hình là vi phạm các nội dung nêu trên của Tuyên ngôn, đồng nghĩa với việc vi phạm nhân quyền. Tuy nhiên, trên thực tế, không có một đoạn văn nào của Tuyên ngôn cụ thể hóa việc làm như thế nào là vi phạm nhân quyền. Do đó, nếu dựa theo Điều 3 của Tuyên ngôn, theo các quốc gia đã xóa bỏ hình phạt tử hình, để khẳng định rằng việc sử dụng hình phạt tử hình là vi phạm nhân quyền thì thật vô lý. Bởi vì, nếu theo nghĩa là khi tử hình một ai đó tức là vi phạm quyền sống thì chúng ta cũng phải xóa bỏ hết các nhà tù vì khi giam một ai đó cũng đã vi phạm quyền tự do cá nhân. Bên cạnh đó,

dựa theo Điều 5 của Tuyên ngôn, các quốc gia đã xóa bỏ hình phạt tử hình cho rằng hình phạt tử hình nên được xóa bỏ vì đó là một hình phạt tàn khốc nhất, vô nhân đạo và hạ thấp phẩm giá của con người. Tuy nhiên, đây chỉ là ý kiến chủ quan của họ. Điều 5 của Tuyên ngôn được tuyên bố mang tính chất chủ quan nhưng để ngỏ cho mọi sự giải thích và áp dụng sao cho dễ dàng trong những trường hợp cụ thể. Điều này không thể được giải thích là hình phạt tử hình hoàn toàn có nội dung tàn khốc và hạ thấp phẩm giá con người.

Việt Nam là thành viên của Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị từ năm 1982. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 6 của Công ước này thì: *"ở những quốc gia chưa xóa bỏ hình phạt tử hình, hình phạt tử hình chỉ có thể được áp dụng đối với người phạm tội nghiêm trọng nhất phù hợp với pháp luật hiện hành..."*⁴. Điều này cho thấy, Công ước thừa nhận ở những quốc gia khác nhau, tùy theo điều kiện cụ thể của mình có thể duy trì hình phạt tử hình. Nhưng, hình phạt tử hình phải được áp dụng đối với những người phạm tội nghiêm trọng nhất. Việt Nam đã thực hiện đúng cam kết này.

Đối với Nghị định thư thứ hai về việc xóa bỏ hình phạt tử hình, xét về tên gọi chúng ta cũng đã thấy rằng đây là một văn bản không có tính chất bắt buộc cho tất cả các quốc gia trên thế giới. Hiện nay, chỉ có 62 quốc gia gia nhập hoặc phê chuẩn Nghị định thư này, trong đó không có Việt Nam. Như vậy, việc duy trì hình phạt tử hình ở Việt Nam là cần thiết trong điều kiện Việt Nam hiện nay và không trái với pháp luật quốc tế.

² "Everyone has the right to life, liberty and security of person".

³ "No one shall be subjected to torture or to cruel, inhuman or degrading treatment or punishment".

⁴ "In countries which have not abolished the death penalty, sentence of death may be imposed only for the most serious crimes in accordance with the law in force at the time of the commission of the crime and not contrary to the provisions of the present Covenant and to the Convention on the Prevention and Punishment of the Crime of Genocide. This penalty can only be carried out pursuant to a final judgement rendered by a competent court".